

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Đạt	Đạt
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Đạt	Đạt
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Đạt	Đạt
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Đạt	Đạt

Đông Triều, ngày 20 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MN HOA ANH ĐÀO

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	196		30	20	45	46	55
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	196		30	20	45	46	55
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	196		30	20	45	46	55
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	196		30	20	45	46	55
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	196		30	20	45	46	55
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	195		30	20	44	46	55
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1				1		
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	194		29	20	45	45	55
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	2		1			1	
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0						
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	196		30	20	45	46	55
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	50		30	20			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	146				45	46	55

Đông Triều, ngày 20 tháng 5 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu

PHÒNG GD &ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MN HOA ANH ĐÀO

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Cuối năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân			
I	Tổng số phòng	9	Số m²/trẻ em			
II	Loại phòng học					
1	Phòng học kiên cố	9				
2	Phòng học bán kiên cố	0				
3	Phòng học tạm	0				
4	Phòng học nhờ	0				
III	Số điểm trường	2				
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5.887.3	27.8 m²/trẻ em			
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	835	3.9 m²/trẻ em			
VI	Tổng diện tích một số loại phòng					
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m²)	307	1,5 m²/trẻ em			
2	Diện tích phòng ngủ (m²)	55	0,26 m²/trẻ em			
3	Diện tích phòng vệ sinh (m²)	90	0,4 m²/trẻ em			
4	Diện tích sân chơi (m²)	230	1,08 m²/trẻ em			
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)	0				
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)	40				
7	Diện tích nhà bếp và kho (m²) - Diện tích bếp ăn - Kho	90 37				
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)			
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	9	01 bộ/ nhóm, lớp			
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	Bộ không đầy đủ			
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	01	bộ/sân chơi (trường)			
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...) -Máy vi tính -Ti vi	12 9				
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Bộ thiết bị thông minh	4	02 lớp 5 tuổi, 02 lớp 4 tuổi			
2	Đồ dùng đồ chơi tự làm	90	10 đồ chơi/nhóm, lớp			
		Số lượng(m²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m²/trẻ em		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	0	7	0	0.4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Đông Triều, ngày 20 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu

PHÒNG GD &ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MN HOA ANH ĐÀO

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29			19	2	2	7	9	2	9	11	9		
I	Giáo viên	17			15	1	1		9	2	6	8	9		
1	Nhà trẻ	6			5		1		4	0	2	1	5		
2	Mẫu giáo	11			10	1			5	2	4	7	4		
II	Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên	9			1		1	7	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	7						7							

Đông Triều , ngày 20 tháng 5 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu